

Số: 548 /TM-BVNTW

Hà Nội, ngày 19 tháng 12 năm 2024

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Quý công ty/ Nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Nhi Trung ương có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu Cung cấp kênh truyền phục vụ hoạt động BVNTW với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Nhi Trung ương
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
 - Phòng Công nghệ thông tin, Bệnh viện Nhi Trung ương;
 - Địa chỉ: Số 18, ngõ 879 đường La Thành, Đống Đa, Hà Nội;
 - Số điện thoại: 024.6273.8981.
- Cách thức tiếp nhận báo giá: - Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bộ phận Văn thư - Tầng 3 nhà 15 tầng Bệnh viện Nhi Trung ương; Địa chỉ: Số 18, ngõ 879 đường La Thành, Đống Đa, Hà Nội.
 - Gửi 01 bản excel/word về địa chỉ email: p.cntt@nch.gov.vn
- Thời gian tiếp nhận báo giá: Trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày thông báo.

(Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên có thể không được xem xét)

- Thời gian có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục dịch vụ mời chào giá: Chi tiết tại **Phụ lục 1** đính kèm yêu cầu báo giá này.
- Địa điểm cung cấp dịch vụ: Bệnh viện Nhi Trung ương. Địa chỉ: số 18, ngõ 879 Đường La Thành, Đống Đa, Hà Nội. Yêu cầu báo giá bao gồm chi phí vận chuyển, lắp đặt và toàn bộ các loại thuế, phí liên quan.
- Hồ sơ báo giá:
 - Báo giá theo mẫu Báo giá tại **Phụ lục 2** đính kèm yêu cầu báo giá này;

- Thư giới thiệu nộp báo giá (Giấy giới thiệu, thông tin liên hệ đơn vị nộp báo giá);

- Giấy đăng ký kinh doanh/Giấy phép hoạt động, xác nhận mã ngành nghề đăng ký kinh doanh phù hợp.

Lưu ý: Báo giá phải được người có thẩm quyền ký trực tiếp trên văn bản giấy, khi ký văn bản dùng bút có mực màu xanh, không dùng các loại mực dễ phai hoặc dùng dấu chữ ký khắc sẵn để ký báo giá.

Kính đề nghị các Công ty/ Nhà cung cấp quan tâm và có khả năng cung cấp gửi Báo giá để Bệnh viện có căn cứ xây dựng Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cho gói thầu.

Trân trọng!

GIÁM ĐỐC



Trần Minh Diễn

PHỤ LỤC 1

DANH MỤC, SỐ LƯỢNG, TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT DỊCH VỤ CUNG CẤP KÊNH TRUYỀN PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG BVNTW

(Kèm theo thư mời số ...54.8./TM-BVNTW ngày 19 / 12 /2024)

1. Danh mục dịch vụ:

STT	Tên danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Thời gian sử dụng dịch vụ	Ghi chú
1.	Kênh truyền Leasedline Internet - Trong nước: 1GB - Quốc tế: 50Mbps	Kênh	02	36 tháng	Hệ thống Wifi
2.	Kênh truyền Leasedline Internet - Trong nước: 500Mbps - Quốc tế: 20Mbps	Kênh	02	36 tháng	Hệ thống máy tính và hội nghị truyền hình

2. Yêu cầu về kỹ thuật chung:

* Năng lực của nhà thầu:

STT	Nội dung	Yêu cầu
1.	Kết nối trực tiếp tới Trạm trung chuyển Quốc gia (Vietnam National Internet exchange - VNIX).	Có tài liệu chứng minh
2.	Có kết nối với Trung tâm Internet Việt Nam (Vietnam Internet Network Information Center - VNNIC) tại Hà Nội, Đà Nẵng, Hồ Chí Minh với tổng kết nối tối thiểu 20Gbps	Có tài liệu chứng minh
3.	Có khả năng độc lập về hạ tầng khi triển khai, không phải mua/ thuê/ mượn hạ tầng của đơn vị khác	Có cam kết của nhà thầu
4.	Có tài liệu chứng minh bằng hợp đồng quyền khai thác ít nhất từ 04 tuyến cáp quang trong số 06 tuyến AAG, APG, IA, SMW3, AAE1, CSC	Có tài liệu chứng minh
5.	Có giấy phép thiết lập hạ tầng viễn thông công cộng do cơ quan có thẩm quyền cấp và cam kết gia hạn nếu giấy phép hết hiệu lực trong thời gian thực hiện hợp đồng.	Có tài liệu chứng minh
6.	Có giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông do cơ quan có thẩm quyền cấp còn hạn và cam kết gia hạn nếu giấy phép hết hiệu lực trong thời gian thực hiện hợp đồng.	Có tài liệu chứng minh
7.	Có chứng nhận Hệ thống quản lý an toàn thông tin theo tiêu chuẩn ISO/IEC 27001.	Có tài liệu chứng minh
8.	Năng lực hạ tầng tuyến cáp quang tại Việt Nam: phải có	Có tài liệu

	đường Internet kết nối peering trực tiếp với 03 ISP lớn (VNPT, Viettel, FPT) với dung lượng tối thiểu 800Gbps tới mỗi nhà cung cấp kênh truyền ISP	chứng minh
9.	Có chứng chỉ chứng nhận chất lượng đường truyền đáp ứng TCVN 11300:2016 hoặc chứng nhận của tổ chức tiêu chuẩn quốc tế MEF 3.0 hoặc tương đương	Có tài liệu chứng minh
10.	Các đường truyền chính và dự phòng phải được triển khai độc lập về mặt vật lý, các tuyến cáp được bố trí theo 02 hướng và của 02 nhà cung cấp (ISP) khác nhau	Có cam kết của nhà thầu

*** Nhiệm vụ của nhà thầu:**

STT	Nội dung	Yêu cầu
1.	Cung cấp đầy đủ các thiết bị cần thiết phục vụ cho kết nối mạng Internet tới phòng máy chủ Bệnh viện	Có cam kết cung cấp
2.	Có khả năng nâng cấp băng thông lên cao hơn và hỗ trợ nâng băng thông lên khi được yêu cầu (tăng thêm \geq 200%).	Có cam kết của nhà thầu

3. Yêu cầu kỹ thuật chi tiết:

TT	Nội dung	Yêu cầu kỹ thuật tối thiểu
1	Yêu cầu về kỹ thuật của kênh truyền internet	
1.1	Kênh truyền Leasedline Internet	02 Kênh
	<i>Kênh truyền cho hệ thống wifi</i>	
	Loại đường truyền	Kênh thuê riêng (Internet Leased line)
	Kênh chính	01 Kênh
	Băng thông Internet trong nước	\geq 1000Mbps
	Băng thông Internet quốc tế	\geq 50Mbps
	Phương thức truyền dẫn	Công nghệ cáp quang
	Băng thông cam kết	\geq 95%
	Độ sẵn sàng của dịch vụ	\geq 99,9%
	Tỷ lệ mất gói tin	\leq 0,05%
	Cung cấp kèm theo đường truyền dải IP tĩnh hỗ trợ IPv4	\geq 32 IP
	Cung cấp kèm theo đường truyền dải IP tĩnh hỗ trợ IPv6	\geq 32 IP

N

TT	Nội dung	Yêu cầu kỹ thuật tối thiểu
	Khả năng nâng cấp đường truyền	Tối đa lên 10Gbps
	Kênh dự phòng	01 Kênh
	Băng thông Internet trong nước	≥ 1000Mbps
	Băng thông Internet quốc tế	≥ 50Mbps
	Phương thức truyền dẫn	Công nghệ cáp quang
	Băng thông cam kết	≥ 95%
	Độ sẵn sàng của dịch vụ	≥ 99,9%
	Tỷ lệ mất gói tin	≤ 0,05%
	Cung cấp kèm theo đường truyền dải IP tĩnh hỗ trợ IPv4	≥ 32 IP
	Cung cấp kèm theo đường truyền dải IP tĩnh hỗ trợ IPv6	≥ 32 IP
	Khả năng nâng cấp đường truyền	Tối đa lên 10Gbps
1.2	Kênh truyền Leasedline Internet	02 Kênh
	<i>Kênh truyền cho hệ thống máy tính và hội nghị truyền hình</i>	
	Loại đường truyền	Kênh thuê riêng (Internet Leased line)
	Kênh chính	01 Kênh
	Băng thông Internet trong nước	≥ 500Mbps
	Băng thông Internet quốc tế	≥ 20Mbps
	Phương thức truyền dẫn	Công nghệ cáp quang
	Băng thông cam kết	≥ 95%
	Độ sẵn sàng của dịch vụ	≥ 99,9%
	Tỷ lệ mất gói tin	≤ 0,05%
	Cung cấp kèm theo đường truyền dải IP tĩnh hỗ trợ IPv4	≥ 32 IP
	Cung cấp kèm theo đường truyền dải IP tĩnh hỗ trợ IPv6	≥ 32 IP
	Khả năng nâng cấp đường truyền	Tối đa lên 10Gbps
	Kênh dự phòng	01 Kênh
	Băng thông Internet trong nước	≥ 500Mbps

TT	Nội dung	Yêu cầu kỹ thuật tối thiểu
	Băng thông Internet quốc tế	$\geq 20\text{Mbps}$
	Phương thức truyền dẫn	Công nghệ cáp quang
	Băng thông cam kết	$\geq 95\%$
	Độ sẵn sàng của dịch vụ	$\geq 99,9\%$
	Tỷ lệ mất gói tin	$\leq 0,05\%$
	Cung cấp kèm theo đường truyền dải IP tĩnh hỗ trợ IPv4	$\geq 32\text{ IP}$
	Cung cấp kèm theo đường truyền dải IP tĩnh hỗ trợ IPv6	$\geq 32\text{ IP}$

4. Yêu cầu khác:

TT	Nội dung	Yêu cầu
1	Mức độ đáp ứng về xử lý sự cố của mỗi kênh truyền internet	
	Thời gian tiếp nhận sự cố	24/7
	Thời gian xác nhận sự cố	≤ 30 phút
	Thời gian xử lý sự cố do lỗi truyền dẫn vật lý	≤ 2 giờ
	Thời gian xử lý sự cố do lỗi logic	≤ 1 giờ
	Thời gian cung cấp nguyên nhân gốc và biện pháp khắc phục sau khi hoàn thành xử lý sự cố (tính theo ngày làm việc)	≤ 1 ngày
	Tần suất sự cố lặp lại sự cố trong vòng 30 ngày	≤ 2 lần
	Thông báo bảo dưỡng có kế hoạch	≥ 10 ngày
	Thông báo bảo dưỡng khẩn cấp	≥ 24 giờ
	Có khả năng hỗ trợ ứng cứu sự cố tấn công từ chối dịch vụ phân tán (DDoS) khi hệ thống tại Bệnh viện bị tấn công	Có cam kết
	Thời gian lưu trữ các sự kiện (event log) liên quan đến kênh	≥ 30 ngày
	Quy trình tiếp nhận và xử lý sự cố	Có quy trình
2	Yêu cầu về bảo trì và thời gian thuê của mỗi kênh truyền internet	

	Thời gian lắp đặt kênh truyền và nghiệm thu tổng thể kênh truyền đưa vào sử dụng	≤ 5 ngày kể từ ngày ký hợp đồng
	Kênh truyền Internet phải được bảo trì định kỳ và phải lập biên bản gửi Bệnh viện sau mỗi lần bảo trì	Bảo trì định kỳ 06 tháng/1 lần trong thời gian thuê
3	Giám sát và tra cứu của mỗi kênh truyền internet	
	Cung cấp phần mềm hoặc tài khoản truy cập để có thể tra cứu dữ liệu thống kê về băng thông sử dụng Internet thực tế ở dạng thời gian thực và tra cứu dữ liệu lịch sử	Có cung cấp
4	Cam kết chất lượng dịch vụ của mỗi kênh truyền internet	Có cam kết chi tiết của nhà thầu
	Bản cam kết chất lượng (SLA)	
	Cam kết hỗ trợ dịch chuyên đường truyền khi có yêu cầu.	
5	Cam kết về bảo mật	Có cam kết chi tiết của nhà thầu
	Tuân thủ các quy định về an toàn, bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về an toàn, an ninh thông tin của hệ thống trong quá trình thực hiện dịch vụ.	
	Tuân thủ theo chính sách an ninh bảo mật hiện có của Bệnh viện.	

Phụ lục 2 - Mẫu báo giá

(Kèm theo Thư mời số 548/TM - BVNTW ngày 19/12/2024)

TÊN ĐƠN VỊ CUNG CẤP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ngày.....tháng.....năm.....

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Nhi Trung ương

“.....(tên đơn vị)....., có địa chỉ tại....., số đăng ký kinh doanh....., được cấp bởi.....”

Căn cứ thông báo mời báo giá của Bệnh viện Nhi Trung ương và khả năng cung cấp, chúng tôi xin gửi báo giá dịch vụ theo yêu cầu của Quý Bệnh viện như sau:

1. Báo giá Dịch vụ cung cấp kênh truyền:

STT	Tên kênh truyền	Tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá/ tháng (đã bao gồm VAT) (VND)	Thời gian sử dụng dịch vụ (tháng)	Thành tiền (VND)
1							
.....							
Tổng cộng:							

Giá chào là giá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo quy định

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: 90 ngày, kể từ ngày tháng năm .

3. Chúng tôi cam kết: Cung cấp dịch vụ theo yêu cầu, đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật của Quý Bệnh viện quy định tại Phụ lục 01 – Thư mời số: /TM - BVNTW ngày

Hà Nội, ngày tháng.....năm.....

Đại diện hợp pháp của đơn vị báo giá

(Ký, ghi rõ chức danh, họ tên và đóng dấu)



(Handwritten mark)